

xúm nhau lặn mò tìm kiếm (1), làm cho mặt nước càng xao động (2).

Sau một thời-gian cực khổ đáo đẽ, trong sự trôi lên hụp xuống dưới đáy hồ, mỗi người bèn lượm lên một cục đá mà không biết, lầm tưởng là ngọc thiết (3), bèn vui-vẻ nghỉ-ngơi.

Trong những người bị mất ngọc ấy, nhiều kẻ có đại-trí (4), nên để cho ai nấy đi hết, bèn chỉ ở lại, chờ cho sóng lặng trăng tỏ (5), dưới đáy hồ ngọc Ma-ni chiếu lên (6), bèn lẳng lẳng trở xuống, lấy được ngọc báu một cách dễ-dàng (7).

303. V. Có bằng cớ nào trong lịch-sử Phật, nói rằng hàng Nhị-thừa sau khi tới Hoá-thành, nghĩa là sau khi chứng quả Niết-bàn, lấy làm tự-túc không còn tu tấn nữa chẳng?

Đ. Có. Đến cái lúc cần phải bỏ pháp quyền, qui về pháp thiết, nghĩa là hội ba thừa gom làm Nhất thừa thiết tướng (Phật-thừa), đức Thế-tôn sửa soạn nói pháp lớn, (tức là Diệu-Pháp Liên-Hoa kinh), hàng Nhị-thừa rùng rùng bỏ ra ngoài pháp hội, không chịu ngồi đó nghe đức Thế-tôn sắp sửa nói pháp.

Với cái pháp lớn này, đại-ý Phật nói : « Đây các vị Tỳ-kheo ! Tất cả biển nước chỉ có một mùi, là mùi muối. Đạo của ta cũng thế, chỉ có một mùi, là mùi giải-thoát. Thật vậy, chỉ có một Phật-thừa mà thôi, dầu ta có lập ra hai, ba thừa cũng chỉ giả tạm trong nhất thời.

304. V. Khi đức Thế-tôn còn sanh tiền, giữa các vị Tỳ-kheo đi truyền-giáo, có nghịch ý kiến về Đại-thừa và Tiểu-thừa chẳng?

Đ. Có. Trong kinh Duy-Ma có nói một đoạn như vậy : Một buổi kia, ông Phú-Lâu-Na đi đến một cái rừng nọ, nói pháp Tiểu-thừa cho các vị Tỳ-kheo mới tu nghe. Khi đó Ngài cư-sĩ Duy-Ma-Cật, thấy vậy bảo rằng : « Đây ông Phú-Lâu-Na, muốn nói pháp cho người khác nghe, trước hết ông phải nhập-dịnh, rồi dùng trí-huệ quán-xét, mà tìm hiểu căn-cơ trình-độ của người nghe pháp như thế nào, nhiên hậu mới khởi sự nói pháp. Bằng ông không dè-dặt như thế, mà vội nói pháp, thì có khác nào ông đem món ăn dở dẽ trong bát báu của người ta. Như vậy, té ar ông xem ngọc lưu-ly đồng với chất thủy-tinh ư ?

(1) Ý nói ăn năn hồi đầu hướng thiện, ra công tu hành cực khổ theo hạnh Tiểu-thừa.

(2) Ý nói tu-hành mà ép xác thái quá, nên bị phân động lực của sanh lý, làm cho lòng càng đau-khổ, không được sáng-suốt. Lại cũng có ý nói rằng : tu-hành mà lập khổ hạnh, thì bị cái khổ trôi buộc, làm cho xao động trong lòng.

(3) Ý nói hàng Nhị-thừa chỉ đạt được Hoá-thành mà không biết, lại lầm cho rằng mình đã lời Bảo-sở.

(4) Những bậc sáng-suốt lỗ thông mỗi Đạo.

(5) Lòng thanh-tịnh do công-phụ thuần-thục.

(6) Khi lòng thanh-tịnh, thì Phật-lánh hiển-hiện.

(7) Bực thượng căn đại trí, tu hành đắc Đạo một cách nhẹ-nhàng thông-thả, không quá khổ-khắc như Tiên-cần.

Này ông Phú-Lâu-Na ! Ông không rõ biết căn-cơ cội-nguồn của chúng-sanh, thì hãy dè-dặt trong khi nói pháp. Ông đừng vội đem pháp Tiểu-thừa, mà trình bày với người nghe pháp. Ông nên biết rằng, những vị Tỳ-kheo này, tâm-địa của họ như ngọc lưu-ly, không tỳ không vết. Mấy vị này đáng đi con đường lớn (Đại-thừa), ông chớ khà chỉ nẻo nhỏ (pháp Tiểu-thừa). Ông chớ đem bê cả mà đổ vào lỗ chân trâu, ông chớ cho ánh-sáng mặt trời (pháp Đại-thừa) đồng với lửa đom-đóm (Tiểu-thừa).

Này ông Phú-Lâu-Na ! Những vị Tỳ-kheo đây, đã phát tâm Đại-thừa ở nhiều kiếp trước, nhưng vì nỡ chùng xao-lãng. Thế thì, tại làm sao ông lại dùng pháp Tiểu-thừa, mà giảng nói cho mấy ông nghe?..

305. V. Ông Phú-Lâu-Na có gây lý sự lại chẳng? Và ông Duy-Ma-Cật có bằng-cớ gì dẽ cho ông Phú-Lâu-Na thấy rằng, mấy vị ấy tiền-căn của họ, đã từng tu-tập giáo-pháp Đại-thừa?

Đ. Ông Phú-Lâu-Na làm thinh không nói gì cả. Khi đó ngài Duy-Ma-Cật nhập hoá-quang tam-muội, khiến cho các vị Tỳ-kheo ấy, bỗng đứng nhớ lại tiền-kiếp của mình, cũng như sự lay Ngài Duy-Ma-Cật, mà phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Vì duyên cớ như vậy, nên về sau đức Thế-tôn sai ông Phú

Lâu-Na, đi thăm bệnh ngài Duy-Ma-Cật, ông Phú-Lâu-Na bèn từ-chối.

306. V. Này giờ ông chỉ rõ nhiều nguyên-nhân phân-chia giữa Tiểu-thừa và Đại-thừa, bây giờ ông nên thuật cái kết-quả phân-phái, sau khi đức Thế-tôn nhập-diệt.

Đ. Một trăm năm sau khi đức Thế-tôn nhập-diệt, có một số Tỳ-kheo, dẽ xướng nhiều sự cải-cách về giới-luật. Thượng toạ Gia-Xá nghe thế, mới đến Tỳ-Xá-Ly (Vaisali), bố-cáo cho quần chúng biết rằng : « Đó là một việc làm bất-hợp-pháp ». Nhơn lời tuyên-bố ấy, mới có sự tranh-luận sôi-nổi giữa hai phái.

Không thể giải-quyết bằng sự tranh-luận, hai bên đề-nghị mỗi phái cử bốn vị chuyên-môn về luật, đứng ra khảo-xét và biên chép dẽ tránh sự tranh-biện. Nhưng sự hội-hợp ấy, cũng không có kết-quả tốt. Trong khi ấy, chư tăng miền Đông lại khai tụng Luật-tạng riêng-biệt, không giống ai cả, mà cũng không tham-gia trong cuộc hội-nghị ấy.

Đến đời vua A-Dục, 231 trước tây-lịch kỷ-nguyên, mà hai phái cũng không dung-hoà được, mặc dầu hai bên đã từng tiếp-xúc với nhau nhiều lần, bằng cách lập ra hội-nghị. Vua A-Dục thấy thế, bèn xuất của kho, triệu-tập một cuộc Đại-hội-nghị tại thành Hoa-thị, trong cảnh Kê-viên, bao nhiêu chi phí ăn uống, tất cả ngoại viện đều xuất của kho nhà vua, để cung ứng cho một ngàn vị Tỳ-kheo làm việc. Trong cuộc Đại-hội-nghị này, vua A-Dục rán hết sức mình, dùng lời lẽ chánh-đáng và thiết-yếu, để dung-hoà hai phái, nhưng kết quả không được như ý muốn của nhà vua, sự tranh-chấp cũng vẫn còn nguyên, thế là Hội-nghị phải tan rã. (1)

Còn nhiều lý do phân chia giáo phái Đại thừa và Tiểu thừa, không thể thuật hết được.

(1) Tài liệu L. H. T. C.